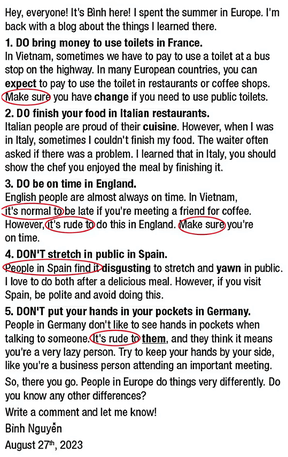
# Unit 6 Lesson 3 (trang 71, 72, 73)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 6 Lesson 3** **(trang 71, 72, 73) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 71 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What can you see? Do you think these would be surprising to foreigners? Why (not)? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn có thể nhìn thấy cái gì? Bạn có nghĩ những điều này sẽ gây ngạc nhiên cho người nước ngoài không? Tại sao có (không)?)  
  
**Đáp án:**  
- I can see grilled chicken legs and balut.  
- Yes, grilled chicken legs might surprise some foreigners due to variations in seasoning and presentation. Balut, on the other hand, is likely to be surprising to many foreigners because of its unique preparation and the concept of consuming a fertilized duck embryo.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Tôi có thể thấy món chân gà nướng và trứng vịt lộn.  
- Có, món chân gà nướng có thể khiến một số người nước ngoài ngạc nhiên do có sự khác biệt về gia vị và cách trình bày. Mặt khác, món trứng vịt lộn có thể gây ngạc nhiên cho nhiều người nước ngoài vì cách chế biến độc đáo và ý tưởng ăn vịt con đã thành hình.  
  
**Listening (phần a->c trang 71 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen to Steve talking to Sally about his trip to Japan. What does Steve think about his trip?** (Hãy nghe Steve nói chuyện với Sally về chuyến đi Nhật Bản của anh ấy. Steve nghĩ gì về chuyến đi của mình?)  
1. interesting (thú vị)   
2. exciting (thích thú)   
3. difficult (khó khăn)  
CD2 -14  
**Đáp án:**  
1. interesting (thú vị)   
**Nội dung bài nghe:**  
Sally: Hey, Steve, how was your trip to Japan?  
Steve: Hey, Sally. It was such a great experience. I wish I could have stayed longer, because it's a really interesting place. I saw so many beautiful places and learned a lot about the culture. Things in Japan are really different from here.  
Sally: What do you mean?  
Steve: Well, first, if you're eating soup in Japan, it's okay to make lots of noise. In fact, you're supposed to do it to show how much you like it.  
Sally: Interesting.  
Steve: I know, right?  
Sally: People think eating loudly is pretty rude in the US, but I guess it's one way to show the restaurant that you're enjoying the meal. What else is different?  
Steve: The people in Japan don't mind being close to each other, especially in Tokyo. They don't think about personal space like we do. They feel comfortable standing really close to people. You have to be aware and try not to get upset or too surprised.  
Sally: Wow, that must have been shocking.  
Steve: It was but I got used to it.  
Sally: Was there anything difficult for you?  
Steve: Yeah, actually, you're not supposed to walk around with food or drinks in Japan. People usually buy food or drinks at a store and have it there or they bring it home. I'm so used to walking around with a bottle of water. So that was a little difficult.  
Sally: Interesting. I'd love to visit Japan one day.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Sally: Chào, Steve, chuyến đi Nhật Bản của bạn thế nào?  
Steve: Chào, Sally. Đó là một trải nghiệm tuyệt vời. Tôi ước mình có thể ở lại lâu hơn vì đó là một nơi thực sự thú vị. Tôi đã thấy rất nhiều địa điểm đẹp và học được nhiều điều về văn hóa. Mọi thứ ở Nhật Bản thực sự khác với ở đây.  
Sally: Ý bạn là gì?  
Steve: Đầu tiên, nếu bạn đang ăn súp ở Nhật Bản, rất bình thường khi tạo ra nhiều tiếng động. Trên thực tế, bạn phải làm điều đó để thể hiện rằng bạn thích món đó đến mức nào.  
Sally: Thú vị thật.  
Steve: Tôi biết, đúng nhỉ?  
Sally: Mọi người cho rằng ăn phát ra tiếng động là khá thô lỗ ở Mỹ, nhưng tôi đoán đó là một cách để thể hiện với nhà hàng rằng bạn đang tận hưởng bữa ăn. Còn gì khác biệt nữa không?  
Steve: Người dân Nhật Bản không ngại việc gần gũi với nhau, đặc biệt là ở Tokyo. Họ không nghĩ về không gian cá nhân như chúng ta. Họ cảm thấy thoải mái khi đứng thật gần với mọi người. Bạn phải nhận thức được và cố gắng không tỏ ra khó chịu hoặc quá ngạc nhiên.  
Sally: Wow, điều đó chắc chắn gây sốc lắm.  
Steve: Đúng vậy nhưng tôi đã quen rồi.  
Sally: Có điều gì khó khăn với bạn không?  
Steve: Có, thực ra thì bạn không nên mang đồ ăn hay đồ uống đi loanh quanh ở Nhật Bản. Mọi người thường mua đồ ăn hoặc đồ uống ở cửa hàng, ăn tại chỗ hoặc mang về nhà. Tôi đã quá quen với việc mang theo một chai nước khi đi dạo. Vì vậy, điều đó khá khó khăn.  
Sally: Thú vị quá. Tôi rất muốn đến thăm Nhật Bản một ngày nào đó.  
**b. Now, listen and number the sentences in the correct order.** (Bây giờ, hãy nghe và đánh số các câu theo đúng thứ tự.)  
A. People in the US think it's rude to eat loudly. \_\_\_\_\_\_\_  
B. Steve wishes he spent more time in Japan. \_\_\_1\_\_\_  
C. You shouldn't walk around with food or drinks. \_\_\_\_\_\_\_  
D. You should make noise when you eat soup. \_\_\_\_\_\_\_  
E. You have to be aware of cultural differences and not get upset. \_\_\_\_\_\_\_  
CD2 -14  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
A. 3  
  
  
B. 1  
  
  
C. 5  
  
  
D. 2  
  
  
E. 4  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Người dân ở Mỹ cho rằng tạo ra tiếng động khi ăn là bất lịch sự.  
B. Steve ước anh ấy dành nhiều thời gian hơn ở Nhật Bản.  
C. Bạn không nên mang theo thức ăn hoặc đồ uống khi đi dạo.  
D. Bạn nên tạo ra tiếng động khi ăn súp.  
E. Bạn phải nhận thức được sự khác biệt về văn hóa và không cảm thấy khó chịu.  
**c. In pairs: Which cultural norms were surprising to you? How are they similar or different from cultural norms in your country?** (Theo cặp: Những chuẩn mực văn hóa nào làm bạn ngạc nhiên? Chúng giống hay khác với các chuẩn mực văn hóa ở nước bạn như thế nào?)  
**Gợi ý:**  
The cultural norms that were surprising to me from the conversation were making noise while eating soup in Japan to show appreciation and the lack of personal space awareness in Japan, especially in crowded areas like Tokyo.  
These norms differ from cultural norms in Vietnam in several ways. In Vietnam, making noise while eating soup is generally considered impolite, and there is more emphasis on maintaining personal space in crowded areas. However, similar to Japan, Vietnam also has a strong food culture, and it's common to see people enjoying meals together in communal settings. Additionally, the concept of not walking around with food or drinks is not as strict in Vietnam, where it's more acceptable to consume snacks or beverages while on the go.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Những chuẩn mực văn hóa khiến tôi ngạc nhiên sau cuộc hội thoại là tạo ra tiếng động khi ăn súp ở Nhật Bản để thể hiện sự trân trọng và sự thiếu nhận thức về không gian cá nhân ở Nhật Bản, đặc biệt là ở những khu vực đông đúc như Tokyo.  
Những chuẩn mực này khác với những chuẩn mực văn hóa ở Việt Nam ở một số điểm. Ở Việt Nam, việc gây ra tiếng động khi ăn súp thường bị coi là bất lịch sự và người ta chú trọng hơn đến việc duy trì không gian cá nhân ở những nơi đông người. Tuy nhiên, tương tự như Nhật Bản, Việt Nam cũng có nền văn hóa ẩm thực đậm đà và việc mọi người thưởng thức bữa ăn cùng nhau trong môi trường tập thể là điều thường thấy. Ngoài ra, khái niệm không mang theo đồ ăn hoặc đồ uống khi đi dạo không quá nghiêm ngặt ở Việt Nam, nơi việc ăn đồ ăn nhẹ hoặc đồ uống khi đang di chuyển thoải mái hơn.  
  
**Reading (phần a->e trang 71-72 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the list of dos and don'ts about cultural differences in different European countries. What is it mainly about?** (Đọc danh sách những điều nên và không nên làm về sự khác biệt văn hóa ở các nước Châu Âu khác nhau. Nó chủ yếu nói về cái gì?)  
1. What tourists should know before visiting Europe (Những điều du khách nên biết trước khi ghé thăm Châu Âu)  
2. What you should never do in Europe (Những điều bạn không bao giờ nên làm ở Châu Âu)  
Hey, everyone! It’s Binh here! I spent the summer in Europe. I'm back with a blog about the things I learned there.  
1. DO bring money to use toilets in France.  
In Vietnam, sometimes we have to pay to use a toilet at a bus stop on the highway. In many European countries, you can **expect** to pay to use the toilet in restaurants or coffee shops. Make sure you have **change** if you need to use public toilets.  
2. DO finish your food in Italian restaurants.  
Italian people are proud of their **cuisine**. However, when I was in Italy, sometimes I couldn't finish my food. The waiter often asked if there was a problem. I learned that in Italy, you should show the chef you enjoyed the meal by finishing it.  
3. DO be on time in England.  
English people are almost always on time. In Vietnam, it’s normal to be late if you're meeting a friend for coffee. However, it's rude to do this in England. Make sure you're on time.  
4. DON'T stretch or **yawn** in public in Spain.  
People in Spain find it **disgusting** to stretch and yawn in public. I love to do both after a delicious meal. However, if you visit Spain, be polite and avoid doing this.  
5. DON'T put your hands in your pockets in Germany.  
People in Germany don't like to see hands in pockets when talking to someone. It’s rude to and they think it means you're a very lazy person. Try to keep your hands by your side, like you're a business person attending an important meeting.  
So, there you go. People in Europe do things very differently. Do you know any other differences?  
Write a comment and let me know!  
Bình Nguyễn  
August 27th, 2023  
**Đáp án:**  
1. What tourists should know before visiting Europe (Những điều du khách nên biết trước khi ghé thăm Châu Âu)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chào mọi người! Tôi là Bình! Tôi đã trải qua mùa hè ở châu Âu. Tôi đã trở lại với một blog về những điều tôi đã học được ở đó.  
1. NÊN mang tiền khi sử dụng nhà vệ sinh ở Pháp.  
Ở Việt Nam, đôi khi chúng ta phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh ở trạm xe buýt trên đường cao tốc. Ở nhiều nước châu Âu, bạn có thể phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh trong nhà hàng hoặc quán cà phê. Hãy chắc chắn rằng bạn có tiền lẻ nếu cần sử dụng nhà vệ sinh công cộng.  
2. NÊN ăn hết phần ăn của mình ở các nhà hàng Ý.  
Người Ý tự hào về ẩm thực của họ. Tuy nhiên, khi tôi ở Ý đôi khi tôi không thể ăn hết phần ăn của mình. Người phục vụ thường hỏi xem có vấn đề gì không. Tôi đã học được điều đó ở Ý, bạn nên cho đầu bếp thấy bạn thích bữa ăn bằng cách ăn hết nó.  
3. NÊN đúng giờ ở Anh.  
Người Anh hầu như luôn đúng giờ. Ở Việt Nam, việc đến muộn là điều bình thường nếu bạn đi uống cà phê với một người bạn. Tuy nhiên, thật thô lỗ khi làm điều này ở Anh. Hãy chắc chắn rằng bạn đến đúng giờ.  
4. KHÔNG NÊN vươn vai hoặc ngáp ở nơi công cộng ở Tây Ban Nha.  
Người dân Tây Ban Nha cảm thấy việc vươn vai và ngáp ở nơi công cộng thật kinh tởm. Tôi thích làm cả hai việc sau một bữa ăn ngon. Tuy nhiên, nếu bạn đến thăm Tây Ban Nha, hãy lịch sự và tránh làm những điều này.  
5. KHÔNG NÊN đút tay vào túi ở Đức.  
Người dân ở Đức không thích nhìn thấy tay đút túi khi nói chuyện với ai đó. Điều đó thật thô lỗ với họ và họ nghĩ điều đó có nghĩa là bạn là một người rất lười biếng. Hãy cố gắng giữ tay bên cạnh bạn, giống như bạn là một doanh nhân đang tham dự một cuộc họp quan trọng.  
Vì vậy, bạn thấy đấy. Người dân ở châu Âu làm mọi việc rất khác nhau. Bạn có biết sự khác biệt nào khác không?  
Viết bình luận và cho tôi biết!  
Bình Nguyễn  
Ngày 27 tháng 8 năm 2023  
**b. Match the bold words in the text with their definitions.** (Nối các từ in đậm trong văn bản với định nghĩa của chúng.)  
1. \_\_\_\_\_\_\_\_: very unpleasant, causing a strong feeling of dislike   
2. \_\_\_\_\_\_\_\_: open your mouth wide and breathe in deeply through it  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_: a small amount of money  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_: think that something will happen  
5. \_\_\_\_\_\_\_\_: a style of cooking  
**Đáp án:**  
1. disgusting: very unpleasant, causing a strong feeling of dislike  
2. yawn: open your mouth wide and breathe in deeply through it   
3. change: a small amount of money  
4. expect: think that something will happen  
5. cuisine: a style of cooking  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. ghê tởm: rất khó chịu, gây ra cảm giác khó chịu mãnh liệt  
2. ngáp: há miệng rộng và hít vào thật sâu  
3. tiền lẻ: một số tiền nhỏ  
4. đợi/ mong đợi: nghĩ rằng điều gì đó sẽ xảy ra  
5. ẩm thực: một phong cách nấu ăn  
**c. Now, read and choose the correct answers.** (Bây giờ, đọc và chọn đáp án đúng.)  
1. According to the passage, all of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. you can stop at a coffee shop to use the toilet.  
B. you need to pay to use public toilets   
C. you need to buy a drink to use public toilets.   
2. Which of the following can be inferred about eating in Italy?  
A. Waiters often ask many questions.  
B. Chefs like to see you eat all of your food.  
C. Italians like large meals.   
3. According to paragraph 4, English people are \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. never late for meetings  
B. always polite to strangers  
C. on time most of the time  
4. The word in paragraph 6 refers to \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. hands  
B. German people  
C. someone  
5. Which is NOT mentioned as one of the reasons you shouldn't put your hands in your pockets in Germany?  
A. It’s rude.  
B. It means you're lazy.  
C. It's unprofessional.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. C  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
4. B  
  
  
5. C  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: In Vietnam, sometimes we have to pay to use a toilet at a bus stop on the highway. In many European countries, you can expect to pay to use the toilet in restaurants or coffee shops. Make sure you have change if you need to use public toilets. (Ở Việt Nam, đôi khi chúng ta phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh ở trạm xe buýt trên đường cao tốc. Ở nhiều nước châu Âu, bạn có thể phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh trong nhà hàng hoặc quán cà phê. Hãy chắc chắn rằng bạn có tiền lẻ nếu cần sử dụng nhà vệ sinh công cộng.)  
2. Thông tin: I learned that in Italy, you should show the chef you enjoyed the meal by finishing it. (Tôi đã học được điều đó ở Ý, bạn nên cho đầu bếp thấy bạn thích bữa ăn bằng cách ăn hết nó.)  
3. Thông tin: English people are almost always on time. (Người Anh hầu như luôn đúng giờ.)  
4. Thông tin: People in Germany don't like to see hands in pockets when talking to someone. It’s rude to and they think it means you're a very lazy person. (Người dân ở Đức không thích nhìn thấy tay đút túi khi nói chuyện với ai đó. Điều đó là thô lỗ với và họ cho rằng điều đó có nghĩa là bạn là một người rất lười biếng.)  
5. Thông tin: People in Germany don't like to see hands in pockets when talking to someone. It’s rude to them and they think it means you're a very lazy person. (Người dân ở Đức không thích nhìn thấy tay đút túi khi nói chuyện với ai đó. Điều đó là thô lỗ với họ và họ cho rằng điều đó có nghĩa là bạn là một người rất lười biếng.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Theo đoạn văn, tất cả những điều sau đây đều đúng NGOẠI TRỪ \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. bạn có thể dừng lại ở quán cà phê để sử dụng nhà vệ sinh.  
B. bạn cần phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh công cộng  
C. bạn cần mua đồ uống để sử dụng nhà vệ sinh công cộng.  
2. Điều nào sau đây có thể được suy ra về việc ăn uống ở Ý?  
A. Người phục vụ thường hỏi nhiều câu hỏi.  
B. Đầu bếp muốn thấy bạn ăn hết đồ ăn của mình.  
C. Người Ý thích bữa ăn thịnh soạn.  
3. Theo đoạn 4, Người Anh \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. không bao giờ trễ cuộc họp  
B. luôn lịch sự với người lạ  
C. gần như lúc nào cũng đúng giờ  
4. Từ ở đoạn 6 đề cập đến \_\_\_\_\_\_\_\_.  
A. tay  
B. người Đức  
C. ai đó  
5. Điều nào KHÔNG được đề cập là một trong những lý do bạn không nên đút tay vào túi ở Đức?  
A. Điều đó thô lỗ.   
B. Điều đó có nghĩa là bạn lười biếng.   
C. Điều đó không chuyên nghiệp.  
**d. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2 -15  
**e. In pairs: Discuss which cultural differences were most surprising and how they are different from Vietnam. Do you know any other surprising cultural differences in other countries?** (Theo cặp: Thảo luận những khác biệt văn hóa nào đáng ngạc nhiên nhất và chúng khác với Việt Nam như thế nào. Bạn có biết sự khác biệt văn hóa đáng ngạc nhiên nào khác ở các quốc gia khác không?)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, have you seen Binh's blog about his summer in Europe? It's quite interesting.  
B: Yeah, I just read it. Some of the cultural differences he mentioned were really surprising.  
A: Absolutely. Like in France, where you have to pay to use public toilets. That's quite different from Vietnam, where it's not common to pay for restroom access.  
B: Yeah, and in Italy, finishing your food is expected to show appreciation for the meal. That's a big contrast to Vietnam, where it's acceptable to leave some food on your plate.  
A: Exactly. And did you know in England, being on time is crucial? In Vietnam, it's more relaxed, especially for casual meetings like grabbing coffee with a friend.  
B: Right. And in Spain, stretching or yawning in public is considered rude. It's so different from Vietnam, where people do it all the time without a second thought.  
A: Definitely. It's fascinating to learn about these cultural differences. Do you know any other surprising norms from other countries?  
B: Well, one that comes to mind is in Japan, where slurping noodles is actually a sign of enjoyment and appreciation for the meal. It's quite different from Vietnam, where slurping might be seen as impolite.  
A: That's interesting!  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã xem blog của Bình về mùa hè ở Châu Âu chưa? Nó khá thú vị.  
B: Rồi, tôi vừa đọc nó. Một số khác biệt về văn hóa mà anh ấy đề cập thực sự đáng ngạc nhiên.  
A: Chắc chắn rồi. Giống như ở Pháp, nơi bạn phải trả tiền để sử dụng nhà vệ sinh công cộng. Điều này khá khác biệt so với Việt Nam, nơi việc trả tiền sử dụng nhà vệ sinh không phổ biến.  
B: Đúng vậy, và ở Ý, việc ăn hết thức ăn được cho là thể hiện sự trân trọng bữa ăn. Điều này hoàn toàn trái ngược với Việt Nam, nơi việc để lại một ít thức ăn trên đĩa là điều được chấp nhận.  
A: Chính xác. Và bạn có biết ở Anh, đúng giờ là rất quan trọng không? Ở Việt Nam, mọi chuyện thoải mái hơn, đặc biệt đối với những cuộc gặp gỡ thông thường như đi uống cà phê với bạn bè.  
B: Đúng vậy. Và ở Tây Ban Nha, vươn vai hay ngáp ở nơi công cộng bị coi là thô lỗ. Nó rất khác so với Việt Nam, nơi mọi người luôn làm điều đó mà không cần đắn đo.  
A: Chắc chắn rồi. Thật thú vị khi tìm hiểu về những khác biệt văn hóa này. Bạn có biết bất kỳ tiêu chuẩn đáng ngạc nhiên nào khác từ các quốc gia khác không?  
B: À, một điều tôi nghĩ đến là ở Nhật Bản, nơi mà việc húp mì thực sự là dấu hiệu của sự thích thú và trân trọng bữa ăn. Nó hoàn toàn khác với Việt Nam, nơi mà việc húp xì xụp có thể bị coi là bất lịch sự.  
A: Thật thú vị!  
  
**Writing (phần a->b trang 72 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about writing dos and don'ts blog posts for visitors coming from another country, then read Binh's blog post again and circle imperatives and the advice.** (Đọc về cách viết các bài đăng trên blog về việc nên và không nên làm gì cho khách du lịch đến từ một quốc gia khác, sau đó đọc lại bài đăng trên blog của Bình và khoanh tròn các câu mệnh lệnh cũng như lời khuyên.)  
  
  
  
  
**Writing skills**  
**Writing lists of dos and don'ts**  
To write a good dos and don'ts blog post for visitors coming from another country, you should:  
**1. Begin with a short introduction - tell your audience why and which place you're writing about.**  
Hey, everybody! Many tourists love visiting my country, Indonesia. Here are some dos and don'ts if you visit here.  
**2. Use numbered imperatives as headings to briefly explain the actions people should or should not do.**  
1. DO use your right hand to eat or shake hands in India.  
2. DON'T eat or drink on public transportation in Singapore.  
**3. Explain the reason why you should avoid the behavior.**  
People in India use their left hand to clean and do other dirty tasks.  
In Singapore, people keep everything very clean, and there are strict laws about littering.  
**4. Give advice on how to avoid potential problems.**  
When you go to Singapore, only eat or drink at stores, restaurants, or your hotel to avoid getting a fine.  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
1. DO bring money to use toilets in France.  
Make sure you have change if you need to use public toilets.  
2. DO finish your food in Italian restaurants.  
…, you should show the chef you enjoyed the meal by finishing it.  
3. DO be on time in England.  
Make sure you're on time.  
4. DON'T stretch or yawn in public in Spain.  
…, be polite and avoid doing this.  
5. DON'T put your hands in your pockets in Germany.  
Try to keep your hands by your side, like you're a business person attending an important meeting.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Kỹ năng viết**  
**Viết danh sách những việc nên làm và không nên làm**  
Để viết một bài đăng blog về những điều nên và không nên làm cho khách du lịch đến từ một quốc gia khác, bạn nên:  
**1. Bắt đầu bằng phần giới thiệu ngắn - cho khán giả biết lý do và bạn đang viết về địa điểm nào.**  
Hey, everybody! Many tourists love visiting my country, Indonesia. Here are some dos and don'ts if you visit here. (Chào mọi người! Nhiều khách du lịch thích đến thăm đất nước của tôi, Indonesia. Dưới đây là một số điều nên và không nên nếu bạn đến thăm nơi đây.)  
**2. Sử dụng các câu mệnh lệnh được đánh số làm tiêu đề để giải thích ngắn gọn những hành động mà mọi người nên hoặc không nên làm.**  
1. DO use your right hand to eat or shake hands in India. (NÊN dùng tay phải khi ăn hoặc bắt tay ở Ấn Độ.)  
2. DON'T eat or drink on public transportation in Singapore. (KHÔNG NÊN ăn uống trên phương tiện giao thông công cộng ở Singapore.)  
**3. Giải thích lý do tại sao bạn nên tránh hành vi đó.**  
People in India use their left hand to clean and do other dirty tasks. (Người dân Ấn Độ sử dụng tay trái để dọn dẹp và làm những công việc bẩn thỉu khác.)  
In Singapore, people keep everything very clean, and there are strict laws about littering. (Ở Singapore, mọi người giữ mọi thứ rất sạch sẽ và có luật nghiêm ngặt về việc xả rác.)  
**4. Đưa ra lời khuyên về cách tránh những vấn đề có thể xảy ra.**  
When you go to Singapore, only eat or drink at stores, restaurants, or your hotel to avoid getting a fine. (Khi đến Singapore, hãy chỉ nên ăn uống tại các cửa hàng, nhà hàng hoặc khách sạn để tránh bị phạt tiền.)  
  
  
  
  
**b. Unscramble the sentences and put them in the correct order.** (Sắp xếp lại các câu và sắp xếp chúng theo đúng thứ tự.)  
A. to/you/travel/a/few/and/don'ts/dos/important/if/Here are/Mexico. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
B. You/should/a/be/bargain/cheaper/price,/for/but/polite. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
C. Tom,/spent/in/Hey,/l/It's/and/week/a/everyone/just/Mexico. \_\_\_\_1\_\_\_\_  
. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
D. DO/bargain/markets./when/at/souvenirs/buying \_\_\_\_\_\_\_\_\_   
E. at/In/it's/Mexico,/sellers/to/ask/for/more/normal/the/actual/price/first./for/than \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
A. Here are a few important dos and don'ts if you travel to Mexico. \_\_\_\_2\_\_\_\_  
B. You should bargain for a cheaper price, but be polite. \_\_\_\_5\_\_\_\_  
C. Hey, everyone! It’s Tom, and I just spent a week in Mexico. \_\_\_\_1\_\_\_\_  
D. DO bargain when buying souvenirs at markets. \_\_\_\_3\_\_\_\_  
E. In Mexico, it's normal for sellers to ask for more than the actual price at first. \_\_\_\_4\_\_\_\_  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Dưới đây là một số điều nên và không nên làm nếu bạn đi du lịch đến Mexico.  
B. Bạn nên mặc cả để được giá rẻ hơn nhưng phải lịch sự.  
C. Chào mọi người! Tôi là Tom và tôi vừa mới ở Mexico một tuần.  
D. NÊN mặc cả khi mua quà lưu niệm ở chợ.  
E. Ở Mexico, việc người bán ban đầu nói thách giá cao hơn giá thực tế là điều bình thường.   
  
**Speaking (phần a->b trang 73 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Discuss cultural differences that visitors coming to Vietnam might have difficulty with. Suggest some things foreigners could do to avoid problems. Use the cultural differences in the list or your own ideas.** (Theo cặp: Thảo luận những khác biệt về văn hóa mà du khách đến Việt Nam có thể gặp khó khăn. Đề xuất một số điều người nước ngoài có thể làm để tránh vấn đề. Sử dụng những khác biệt về văn hóa trong danh sách hoặc ý tưởng của riêng bạn.)  
• being late for social events (đến muộn trong các sự kiện xã hội)  
• bargaining at markets (mặc cả ở chợ)  
• driving a motorbike (lái xe máy)  
• wearing the right clothes to temples and pagodas (mặc trang phục phù hợp khi đi đền, chùa)  
• asking about a person's age (hỏi về tuổi của một người)  
• selling items on the street (bán đồ trên đường phố)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, B! I heard you're planning a trip to Vietnam soon. Exciting!  
B: Yes, I can't wait! But I've been hearing about some cultural differences that visitors often have difficulty with. Can you tell me more about them?  
A: Of course! One thing you might notice is that being late for social events is not as acceptable in Vietnam as it might be in some other cultures. Punctuality is valued here.  
B: Oh, I see. I'll make sure to plan my time accordingly and try to be on time for any meetings or gatherings.  
A: That's a good idea. Another thing is bargaining at markets. It's a common practice in Vietnam, but some foreigners may not be used to it. Remember to negotiate politely and respectfully.  
B: Got it. I'll keep that in mind when I'm shopping at the markets.  
A: Also, if you plan on driving a motorbike, be aware that traffic in Vietnam can be chaotic compared to what you're used to. Make sure to familiarize yourself with local traffic rules and drive cautiously.  
B: Thanks for the heads up. I'll be extra careful on the roads.  
A: Lastly, when visiting temples and pagodas, it's important to dress modestly and appropriately. Avoid wearing revealing clothing and remember to remove your shoes before entering.  
B: That's good to know. I'll make sure to pack some conservative outfits for those visits.  
A: Overall, just be mindful of these cultural differences and show respect for Vietnamese customs and traditions. That way, you'll have a smoother and more enjoyable experience during your trip.  
B: Thanks for the advice, A. I'll definitely keep all of that in mind.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, B! Tôi nghe nói bạn sắp có kế hoạch đi du lịch đến Việt Nam. Thú vị!  
B: Đúng vậy, tôi rất nóng lòng chờ đợi! Nhưng tôi đã nghe nói về một số khác biệt về văn hóa mà du khách thường gặp khó khăn. Bạn có thể cho tôi biết thêm về chúng không?  
A: Tất nhiên rồi! Một điều bạn có thể nhận thấy là việc đến muộn trong các sự kiện xã hội không được chấp nhận ở Việt Nam như ở một số nền văn hóa khác. Sự đúng giờ được đánh giá cao ở đây.  
B: Ồ, tôi hiểu rồi. Tôi sẽ đảm bảo sắp xếp thời gian của mình phù hợp và cố gắng đến đúng giờ trong bất kỳ cuộc họp hoặc buổi họp mặt nào.  
A: Đó là một ý kiến hay. Một điều nữa là mặc cả ở chợ. Đó là thông lệ ở Việt Nam nhưng một số người nước ngoài có thể không quen với nó. Hãy nhớ đàm phán một cách lịch sự và tôn trọng.  
B: Hiểu rồi. Tôi sẽ ghi nhớ điều đó khi đi mua sắm ở chợ.  
A: Ngoài ra, nếu bạn dự định lái xe máy, hãy lưu ý rằng giao thông ở Việt Nam có thể hỗn loạn hơn so với những gì bạn quen thuộc. Hãy đảm bảo làm quen với luật lệ giao thông địa phương và lái xe thận trọng.  
B: Cảm ơn vì đã cảnh báo. Tôi sẽ cẩn thận hơn trên đường.  
A: Cuối cùng, khi đến thăm các đền chùa, điều quan trọng là phải ăn mặc trang nhã và phù hợp. Tránh mặc quần áo hở hang và nhớ cởi giày trước khi vào.  
B: Thật tốt khi biết điều đó. Tôi đảm bảo sẽ mang theo một số trang phục lịch sự cho những chuyến thăm đó.  
A: Nhìn chung, hãy lưu ý đến những khác biệt văn hóa này và thể hiện sự tôn trọng với phong tục và truyền thống Việt Nam. Bằng cách đó, bạn sẽ có trải nghiệm suôn sẻ và thú vị hơn trong chuyến đi của mình.  
B: Cảm ơn vì lời khuyên, A. Tôi chắc chắn sẽ ghi nhớ tất cả những điều đó.  
**b. Choose 4-5 cultural differences in Vietnam you think would be most surprising for foreigners, then suggest what foreigners can do to deal with the differences. Complete the table below.** (Chọn 4-5 điểm khác biệt về văn hóa ở Việt Nam mà bạn nghĩ sẽ gây ngạc nhiên nhất cho người nước ngoài, sau đó đề xuất những gì người nước ngoài có thể làm để đối phó với chúng. Hoàn thành bảng dưới đây.)   
  
  
  
  
**Cultural differences in Vietnam**  
  
  
**Ways to deal with them**  
  
  
  
  
   
   
  
  
   
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**Cultural differences in Vietnam**  
  
  
**Ways to deal with them**  
  
  
  
  
Concept of Personal Space   
  
  
Understand that personal space is smaller in Vietnam. People may stand closer or touch more during conversations. Respect others' space while also being open to closer interactions.  
  
  
  
  
Traffic and Road Etiquette  
  
  
Adapt to chaotic traffic and frequent horn honking. Follow locals' lead when crossing the street and learn basic hand signals if driving.  
  
  
  
  
Dining Customs  
  
  
Be prepared for shared meals with communal dishes. Respect elders by letting them start eating first. Try all dishes offered and use chopsticks respectfully.  
  
  
  
  
Greetings and Politeness  
  
  
Learn traditional greetings like "Xin chào" (hello) and "Cảm ơn" (thank you). Address elders with respect using appropriate titles like "anh" (older brother) or "chị" (older sister).  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Sự khác biệt văn hóa ở Việt Nam**  
  
  
**Những cách để đối phó với chúng**  
  
  
  
  
Khái niệm về không gian cá nhân  
  
  
Hiểu rằng không gian cá nhân ở Việt Nam nhỏ hơn. Mọi người có thể đứng gần hơn hoặc chạm vào nhiều hơn trong khi trò chuyện. Tôn trọng không gian của người khác đồng thời cởi mở với những tương tác gần gũi hơn.  
  
  
  
  
Quy tắc giao thông đường bộ  
  
  
Thích ứng với tình trạng giao thông hỗn loạn và bấm còi thường xuyên. Làm theo sự hướng dẫn của người dân địa phương khi băng qua đường và học các tín hiệu tay cơ bản nếu lái xe.  
  
  
  
  
Phong tục ăn uống  
  
  
Hãy chuẩn bị cho bữa ăn chung với các món ăn chung. Tôn trọng người lớn tuổi bằng cách để họ bắt đầu ăn trước. Hãy thử tất cả các món ăn được phục vụ và sử dụng đũa một cách tôn trọng.  
  
  
  
  
Lời chào và sự lịch sự  
  
  
Học những lời chào truyền thống như "Xin chào" (xin chào) và "Cảm ơn" (cảm ơn). Khi xưng hô với người lớn tuổi một cách tôn trọng, hãy dùng những danh hiệu thích hợp như “anh” (nam lớn tuổi hơn) hoặc “chị” (nữ lớn tuổi hơn).  
  
  
  
  
  
**Useful Language (phần a->c trang 73 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Look at the phrases (A-D) in the box below, then read Binh's dos and don'ts blog post again and circle each use of the phrases.** (Nhìn vào các cụm từ (A-D) trong bảng bên dưới, sau đó đọc lại bài viết blog những điều nên và không nên làm của Bình và khoanh tròn từng cách sử dụng các cụm từ.)  
  
  
  
  
  
A. Make sure … (Hãy chắc chắn rằng …)  
B. It’s normal to … (Bình thường khi …)  
C. People find it … (Mọi người nhận thấy …)  
D. It’s rude to … (Thật thô lỗ khi …)  
  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
**b. Match the useful phrases to their purpose. Write the letter (A-D) on the lines.** (Nối các cụm từ hữu ích với mục đích của chúng. Viết chữ cái (A-D) trên dòng.)  
A. Make sure ... 1. \_\_\_\_\_\_\_\_: to describe common behavior  
B. It's normal to ... 2. \_\_\_\_\_\_\_\_: to say what people think about something  
C. People find it ... 3. \_\_\_\_\_\_\_\_: to say what you should do  
D. It’s rude to ... 4. \_\_\_\_\_\_\_\_: to say what you shouldn't do  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. C  
  
  
3. A  
  
  
4. D  
  
  
  
  
1. It's normal to ...: to describe common behavior  
2. People find it ...: to say what people think about something  
3. Make sure ...: to say what you should do  
4. It’s rude to ...: to say what you shouldn't do  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bình thường khi …: diễn tả hành vi thông thường  
2. Mọi người nhận thấy …: nói lên suy nghĩ của mọi người về điều gì đó  
3. Hãy chắc chắn rằng …: nói những gì bạn nên làm  
4. Thật thô lỗ khi …: nói những điều không nên làm  
**c. Fill in the blanks with the phrases above.** (Điền vào chỗ trống với cụm từ bên trên.)  
1. When you're in Italy, \_\_\_\_\_\_\_ you try the pasta. It’s delicious!  
2. In the USA, \_\_\_\_\_\_\_ strange to stand very close to one another.  
3. In some Asian countries, \_\_\_\_\_\_\_ point your finger at people.  
4. In India, \_\_\_\_\_\_\_ take off your shoes or sandals before going into someone's home.  
**Đáp án:**  
1. When you're in Italy, you try the pasta. It's delicious!  
2. In the USA, strange to stand very close to one another.  
3. In some Asian countries, point your finger at people.  
4. In India, take off your shoes or sandals before going into someone's home.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Khi bạn ở Ý, hãy nhớ thử món mì ống. Nó ngon!  
2. Ở Mỹ, mọi người thấy lạ khi đứng rất gần nhau.  
3. Ở một số nước châu Á, việc chỉ tay vào người khác là thô lỗ.  
4. Ở Ấn Độ, việc cởi giày hoặc dép trước khi vào nhà người khác là điều bình thường.  
  
**Let’s write (trang 73 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Now, write a list of dos and don'ts for visitors coming to Vietnam. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 180-200 words.** (Bây giờ hãy viết danh sách những điều nên và không nên làm đối với du khách đến Việt Nam. Sử dụng bảng Kỹ năng viết, mẫu bài đọc và ghi chú nói để giúp bạn. Viết 180-200 từ.)  
**Gợi ý:**  
Hey, everybody! Many tourists love visiting my country, Vietnam. Here are some dos and don'ts if you visit here:  
**DO try the local street food.**  
Vietnamese cuisine is renowned for its delicious flavors and unique dishes. Sampling street food is an essential part of experiencing the vibrant culinary culture of Vietnam.  
**DON'T litter.**  
Vietnam places a strong emphasis on keeping the environment clean and littering is considered disrespectful. Dispose of your trash properly in designated bins to contribute to the cleanliness of the streets and natural landscapes.  
**DO respect local customs and traditions.**  
When visiting temples or pagodas, dress modestly and remove your shoes before entering sacred spaces. Additionally, be mindful of Vietnamese cultural norms regarding greetings and interactions with elders.  
**DON'T haggle aggressively.**  
While bargaining is common in markets and street vendors, it's important to do so respectfully. Pushing too hard for a lower price can be seen as rude or disrespectful.  
**DO learn a few basic Vietnamese phrases.**  
Even just knowing how to say "hello" (xin chào) and "thank you" (cảm ơn) can go a long way in showing respect for the local culture and fostering positive interactions with Vietnamese people.  
By following these dos and don'ts, you can have a more enjoyable and culturally enriching experience during your visit to Vietnam.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chào mọi người! Nhiều khách du lịch thích đến thăm đất nước tôi, Việt Nam. Dưới đây là một số điều nên và không nên nếu bạn đến thăm nơi này:  
**1. NÊN thử món ăn đường phố địa phương.**  
Ẩm thực Việt Nam nổi tiếng với hương vị thơm ngon và những món ăn độc đáo. Thưởng thức ẩm thực đường phố là một phần thiết yếu để trải nghiệm văn hóa ẩm thực sôi động của Việt Nam.  
**2. KHÔNG NÊN xả rác.**  
Việt Nam rất chú trọng giữ gìn môi trường sạch sẽ và xả rác được coi là thiếu tôn trọng. Hãy vứt rác đúng cách vào thùng quy định để góp phần làm sạch đường phố và cảnh quan thiên nhiên.  
**3. NÊN tôn trọng phong tục và truyền thống địa phương.**  
Khi đến thăm các đền chùa, hãy ăn mặc giản dị và cởi giày trước khi bước vào những không gian linh thiêng. Ngoài ra, hãy chú ý đến các chuẩn mực văn hóa Việt Nam về cách chào hỏi và tương tác với người lớn tuổi.  
**4. KHÔNG NÊN mặc cả một cách hung hăng.**  
Mặc dù mặc cả là điều bình thường ở chợ và những người bán hàng rong nhưng điều quan trọng là phải mặc cả một cách tôn trọng. Trả giá quá thấp có thể bị coi là thô lỗ hoặc thiếu tôn trọng.  
**5. NÊN học một vài cụm từ tiếng Việt cơ bản.**  
Thậm chí chỉ cần biết cách nói "xin chào" và "cảm ơn" cũng có thể giúp ích rất nhiều trong việc thể hiện sự tôn trọng văn hóa địa phương và thúc đẩy sự tương tác tích cực với người Việt Nam.  
Bằng cách làm theo những điều nên và không nên làm này, bạn có thể có được trải nghiệm thú vị và phong phú hơn về mặt văn hóa trong chuyến thăm Việt Nam.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 6 Lesson 1 (trang 63, 64, 65, 66)  
Unit 6 Lesson 2 (trang 67, 68, 69, 70)